

# NĂNG LỰC CẠNH TRANH CÁC NÔNG SẢN CHỦ LỰC TỈNH KON TUM

## COMPETITIVENESS OF MAIN AGRICULTURAL PRODUCTS IN KON TUM PROVINCE

Phan Thị Thanh Trúc, Lê Thị Hồng Nghĩa

*Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum; thanhtruckontum@gmail.com, lthnghia@kontum.udn.vn*

**Tóm tắt** - Bài viết tập trung đánh giá năng lực cạnh tranh của các nông sản chủ lực tỉnh Kon Tum. Nghiên cứu sử dụng các nhân tố của mô hình kim cương được điều chỉnh bởi OECD, kết hợp với cách đánh giá ma trận hình ảnh cạnh tranh. Cỡ mẫu 50 quan sát/ một loại nông sản. Đối tượng tham gia gồm các cán bộ quản lý của doanh nghiệp chế biến, trung tâm phát triển nông nghiệp, Sở nông nghiệp và phát triển nông nghiệp nông thôn tỉnh Kon Tum, hợp tác xã... Kết quả cho thấy, nông sản Kon Tum có năng lực cạnh tranh thấp gồm lúa, ngô, mía, cao su, cà phê; có năng lực cạnh tranh trung bình gồm sắn, rau hoa xứ lạnh, dược liệu. Với những nông sản có năng lực cạnh tranh khá tốt sẽ là cơ sở để phát triển thành nông sản chủ lực có lợi thế cho địa phương.

**Từ khóa** - năng lực cạnh tranh; nông sản; chủ lực; Kon Tum; mô hình kim cương

### 1. Đặt vấn đề

Kon Tum là địa phương thuộc khu vực Tây Nguyên với 25 dân tộc khác nhau sinh sống, chiếm tỷ trọng 53% trong tổng dân số toàn tỉnh. Năm 2017, thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành đạt 2.186 ngàn đồng tăng 12,30% so với năm 2016, thấp hơn cả nước là 2.273 ngàn đồng, chỉ bằng 49% so với thu nhập bình quân đầu người một tháng của cả nước. Năm 2017, nông nghiệp chiếm tỷ trọng 27,99% trong tổng thu nhập của địa phương so với năm 2016. Sản lượng lương thực có hạt đạt 115.866 tấn, tăng 3,48% so với năm 2016, trong đó sản lượng lúa đạt 91.010 tấn, tăng 4,49% (sản lượng lúa đông xuân đạt 32.852 tấn, tăng 6,72%; sản lượng lúa mùa đạt 58.158 tấn, tăng 3,27%). Sản lượng năm 2017 của một số cây trồng như sắn đạt 576.517 tấn giảm 0,99%; Mía đạt 88.000 tấn giảm 3,90%; cao su đạt 53,575% tấn, tăng 8,93%; hồ tiêu đạt 299 tấn, tăng 45,86%; cà phê đạt 40.108 tấn, tăng 8,77% (Niêm giám thống kê 2017).

Nông nghiệp đóng vai trò lớn trong thu nhập của người dân tại địa phương, đặc biệt là người dân tộc thiểu số. Tuy vậy, hiện trạng canh tác, thu hoạch, giá trị sau chế biến của các nông sản chủ lực tại địa phương còn thấp hơn rất nhiều so với các địa phương trong khu vực Tây nguyên. Theo đánh giá của UBND tỉnh năm 2015 thì tiềm năng, lợi thế các nông sản chưa được khai thác đúng mức; các doanh nghiệp tham gia sản xuất có cơ sở vật chất yếu kém, công nghệ lạc hậu; chất lượng nhân lực thấp... điều này khiến cho số lượng các nông sản chủ yếu xuất thô, giá trị gia tăng không cao. Do vậy, việc nhìn nhận và đánh giá lại năng lực cạnh tranh (NLCT) của nông sản dưới góc độ địa phương là rất cần thiết.

Bài viết này nhằm đánh giá thực trạng NLCT các nông sản chủ lực của tỉnh Kon Tum, xác nhận xem những nông sản nào có lợi thế cao, từ đó làm cơ sở cho địa phương đưa ra chính sách tập trung để phát triển các sản phẩm này.

**Abstract** - The articles focuses on evaluating the competitiveness of Kon Tum's main agricultural products. The research uses Michael Porter's Diamond Model and adapts it into OECD elements combined with a competitive image-scoring matrix. Sample size has 50 observations per agricultural product. Participants include management staff of processing enterprises, Center for Agricultural Development, Department of Agriculture and Rural Development of Kon Tum province, and local Co-operatives. The results show that rice, maize, sugarcane, rubber, coffee have low competitiveness; cassava, cold vegetables, medicinal plants have average competitiveness. Agricultural products with strong competitiveness will be the basis for being developed into major agricultural products that have advantages for the province.

**Key words** - competitiveness; agricultural products; main; Kon Tum; diamond model

### 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Cơ sở lý thuyết

Các nông sản chủ lực của Kon Tum được xác định theo đề án của địa phương bao gồm: lúa, ngô, sắn, mía, rau hoa xứ lạnh, cà phê, cao su, nhóm cây dược liệu.

Dựa vào nhóm nông sản chủ lực được xác định sẵn theo đề án phát triển nông nghiệp của UBND tỉnh Kon Tum, nghiên cứu này tiến hành đánh giá NLCT của các nông sản dựa theo cách thức đánh giá NLCT của OECD.

Khái niệm NLCT theo OECD (Nguyễn Việt Lâm, 2014) được hiểu là khả năng cạnh tranh của các công ty, các ngành, các vùng, các quốc gia hoặc khu vực siêu quốc gia trong việc tạo việc làm, thu nhập cao hơn trong điều kiện cạnh tranh quốc tế trên cơ sở bền vững.

Có nhiều lý thuyết để xác định lợi thế của các sản phẩm chủ lực như thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith (1723-1790) thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo (1772-1823). Nghiên cứu này sử dụng lý thuyết lợi thế cạnh tranh quốc gia của Micheal E. Porter để làm cơ sở đánh giá.

Theo Michael E. Porter, lợi thế cạnh tranh của quốc gia, địa phương có ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của ngành và sản phẩm. Trong đó năng lực cạnh tranh của sản phẩm được hiểu là khả năng trao đổi sản phẩm, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng so với sản phẩm của đối thủ cạnh tranh. NLCT một sản phẩm/ dịch vụ phụ thuộc vào lợi thế so sánh của nó. Lợi thế so sánh đánh giá theo nhiều tiêu thức khác nhau. Theo Michael Porter thì NLCT sản phẩm là sự vượt trội của nó so với sản phẩm cùng loại trên thị trường (Nguyễn Việt Lâm, 2014).

Một địa phương có lợi thế cạnh tranh tốt sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh cho ngành và doanh nghiệp thông qua việc sản xuất và cung ứng những sản phẩm ưu việt hơn so với các địa phương khác. Các thuộc tính định hình nên NLCT cho các sản phẩm trong ngành bao gồm các điều kiện về

yếu tố sản xuất; điều kiện về cầu; các ngành hỗ trợ; bối cảnh cạnh tranh, chiến lược và cơ cấu doanh nghiệp; vai trò của chính sách, nhà nước. Đây cũng chính là các thành tố cấu thành mô hình kim cương của Michael Porter trong việc đánh giá NLCT của sản phẩm trong ngành. Dựa trên 5 nhân tố cơ bản này, OECD đã phát triển thành bộ 39 tiêu chí cụ thể nhằm đánh giá NLCT cho ngành và cụm ngành. Căn cứ vào cơ sở lý luận này, nghiên cứu sử dụng bộ tiêu chí này để đánh giá NLCT của nông sản chủ lực của tỉnh Kon Tum.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp đối với hệ thống cơ sở lý luận về sản phẩm chủ lực, năng lực cạnh tranh; và với dữ liệu thứ cấp về tình hình sản xuất nông sản chủ lực của tỉnh Kon Tum; nguồn số liệu từ cục thống kê tỉnh Kon Tum, các bài báo, quy hoạch, đề án của tỉnh Kon Tum.

Bảng câu hỏi được thiết kế như sau:

Dựa vào các yếu tố được xây dựng bởi OECD, hình thành nên tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh cho từng sản phẩm. Bảng hỏi được xây dựng như sau: tiến hành phỏng vấn nhóm bao gồm cán bộ quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Kon Tum và một số giáo viên Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum để phân loại tầm quan trọng theo thang điểm từ 0,0 (Không quan trọng) đến 1,0 (Rất quan trọng) cho từng yếu tố. Tầm quan trọng của mỗi yếu tố tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng của yếu tố đó tới lĩnh vực/ ngành nghề mà tỉnh đang sản xuất. Tổng điểm số tầm quan trọng của tất cả các yếu tố phải bằng 1,0. Tại bước này, các nhân tố trong OECD được đánh giá tầm quan trọng theo trọng số.

Thang đo được sử dụng theo thứ tự 4 là phản ứng tốt nhất, 3 là phản ứng trên trung bình, 2 là phản ứng trung bình, 1 là phản ứng yếu.

Căn cứ vào quy trình này, phát triển thành bảng hỏi chính thức đưa vào khảo sát.

**Bảng 1.** Quá trình khảo sát đánh giá năng lực cạnh tranh sản phẩm

TT	Tên nông sản	Đối tượng khảo sát	Địa điểm	Cỡ mẫu
1	Lúa	Hợp tác xã, hội nông dân, Cán bộ sở nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tp. Kon Tum Sa Thầy Kon Rẫy	50
2	Ngô	Hợp tác xã, hội nông dân, Cán bộ sở nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tp. Kon Tum Sa Thầy Kon Rẫy	50
3	Mía	Hợp tác xã, hội nông dân, Cán bộ sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban giám đốc Công ty cổ phần đường Kon Tum	Tp. Kon Tum	50
4	Sắn	Hợp tác xã, hội nông dân, Cán bộ sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban giám đốc các công ty nhà máy chế biến tinh bột sắn	Tp. Kon Tum Sa Thầy Ngọc Hồi ĐăkGlei	50
5	Rau hoa	Hợp tác xã thanh niên, các hộ trồng rau hoa xứ lạnh, cán bộ tại khu nông nghiệp công nghệ cao, cán bộ sở nông nghiệp	Măng Đen, huyện Kon Plong	50

6	Cây dược liệu	Hợp tác xã thanh niên, các hộ trồng rau hoa xứ lạnh, cán bộ tại khu nông nghiệp công nghệ cao, cán bộ sở nông nghiệp	Măng Đen huyện Kon Plong	50
7	Cao su	Hội nông dân, doanh nghiệp chế biến, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tp. Kon Tum Sa Thầy	50
8	Cà phê	Hội nông dân, doanh nghiệp chế biến, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tp. Kon Tum Đăk Hà	50
Tổng				400

Cách đánh giá như sau: Cộng số điểm của tất cả các yếu tố để xác định tổng điểm của từng nông sản. Đánh giá năng lực cạnh tranh của các nông sản được xếp hạng như Bảng 2.

**Bảng 2.** Xếp hạng năng lực cạnh tranh

Xếp hạng	Điểm trung bình
Tốt	> 3.50
Khá	3.00-3.500
Trung bình	2.50-2.99
Yếu (chưa đạt)	<2.50

## 3. Thực trạng sản xuất nông sản chủ lực tỉnh Kon Tum

### 3.1. Cây công nghiệp ngắn ngày

Theo đề án “Xây dựng và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của tỉnh Kon Tum đến năm 2020”, UBND tỉnh Kon Tum xác định các nông sản chủ lực bao gồm: cây công nghiệp ngắn ngày (cây lúa, cây ngô, cây sắn, mía, rau hoa xứ lạnh), cây công nghiệp dài ngày (cao su, cà phê, sắn ngọc linh).

#### a. Lúa

Kon Tum đã chú trọng việc mở rộng, đầu tư và xây dựng các công trình thủy lợi giúp gia tăng diện tích lúa lên 24.399 ha vào năm 2015. Tuy nhiên, qua năm 2016,2017, diện tích lúa bắt đầu giảm xuống lần lượt còn 24.191 ha và 23.985ha. Điều này cho thấy, sự điều chỉnh trong việc trồng trọt của người dân bắt đầu được đầu tư theo chiều sâu, giảm dần việc mở rộng diện tích, tập trung vào những cây trồng có hiệu quả cao hơn.

**Bảng 3.** Sản lượng lúa giai đoạn 2015-2017

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Diện tích (ha)	24399	24191	23985
Chỉ số phát triển (%)	103,52	99,15	99,15
Sản lượng (nghìn tấn)	91557	87100	91010
Chỉ số phát triển (%)	106,9	95,13	104,49
Năng suất (tạ/ ha)	37,52	36,01	37,94
Chỉ số phát triển (%)	103,26	95,95	105,37

Nguồn: Niên giám thống kê 2018 tỉnh Kon Tum

Năng suất lúa luôn được cải thiện, thấp nhất là năm 2016 đạt 36,01 tạ/ha, cao nhất là năm 2017 đạt 37,94 tạ/ha, tăng 9,42% so với năm 2016;

So với khu vực Tây Nguyên, năng suất lúa Kon Tum thấp nhất so với toàn khu vực, Đăk Lăk có năng suất cao

nhất trong năm 2016 đạt 58,1 tạ/ha, cao hơn 22,2 tạ so với Kon Tum; Đắk Nông đạt 57,1 tạ/ha cao hơn Kon Tum 21,2 tạ/ha; Gia Lai cao hơn 7,9 tạ/ha.

### b. Ngô

Ngô được xác định là cây lương thực quan trọng phục vụ cho các ngành chăn nuôi, công nghiệp chế biến thực phẩm. Các giống ngô được trồng trên địa bàn tỉnh như DK888; DK 999; LVN10; DK171; DK989... Giai đoạn 2014-2017, diện tích ngô liên tục giảm từ 6.660 ha năm 2014 xuống 6.361 ha năm 2015; giảm còn 6.359 ha năm 2016, tiếp tục giảm còn 6.202 ha năm 2017.

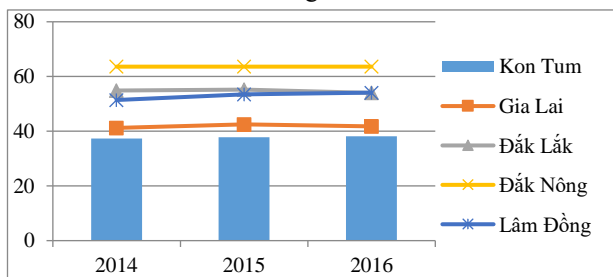
Mặc dù diện tích giảm nhưng với sự chủ động người dân đầu tư thâm canh làm cho năng suất ngô liên tục tăng từ năm 2014 đạt 37,48 tạ/ha lên 40,08 tạ/ha vào năm 2017.

**Bảng 4.** Sản xuất ngô giai đoạn 2015-2017

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Diện tích (ha)	6361	6359	6202
Sản lượng (nghìn tấn)	24,243	24,868	24,856
Năng suất (tạ/ha)	38,11	39,11	40,08

Nguồn: Niên giám thống kê 2018 tỉnh Kon Tum

Năng suất ngô của tỉnh Kon Tum thấp nhất khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2014-2016. Năm 2016, Kon Tum có năng suất ngô chỉ bằng 59,9% so với Đắk Nông; 70,05% so với Đắk Lắk và Lâm Đồng.



**Hình 1.** Năng suất Ngô khu vực Tây Nguyên

Nguồn: Niên giám thống kê 2018

### c. Sắn

Sắn được xem là cây trồng giúp xóa đói giảm nghèo, thích hợp nhiều loại đất, chi phí trồng thấp.

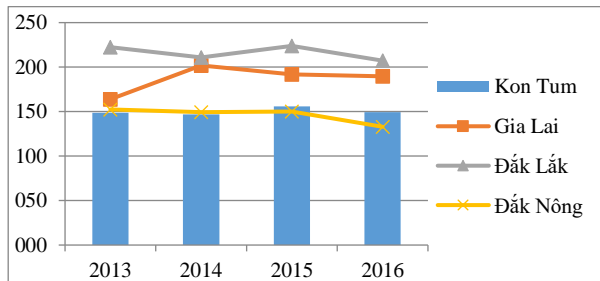
**Bảng 5.** Tình hình sản xuất sắn 2015-2017

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Diện tích (ha)	39486	39113	38634
Sản lượng (tấn)	591952	582261	576517
Năng suất (tạ/ha)	149,91	148,87	149,23

Nguồn: Niên giám thống kê 2018 tỉnh Kon Tum

Diện tích trồng sắn cao nhất trong tất cả các cây trồng hiện nay ở Kon Tum; cao nhất năm 2015 đạt 39486 ha, năm 2017 giảm xuống còn 38.634 ha bởi vì UBND tỉnh thấy việc mở rộng diện tích quá nhanh chóng cho nên tỉnh đề xuất nhiều chương trình nhằm hạn chế việc mở theo chiều rộng mà tập trung hơn vào chiều sâu trong sản xuất.

Năng suất sắn tại Kon Tum đạt 149,37 tạ/ha, chỉ cao hơn Đắk Nông, thấp hơn so với Gia Lai và Đắk Lắk. Cụ thể tại Hình 2.



**Hình 2.** Năng suất sắn khu vực Tây Nguyên

Nguồn: Niên giám thống kê 2017

### d. Mía

Diện tích mía của tỉnh giảm mạnh, từ 1.816 ha năm 2015 xuống còn 1.636 ha năm 2017. Nguyên nhân làm diện tích mía giảm mạnh là do giá cả thiếu ổn định làm cho người dân chưa an tâm, duy trì và mở rộng sản xuất mía, mặt khác người dân đã chuyển một phần diện tích đất trồng mía sang trồng sắn (do giá sắn những năm gần đây tăng cao).

**Bảng 6.** Sản xuất mía tỉnh Kon Tum

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Diện tích (ha)	1816	1771	1636
Sản lượng (tấn)	94204	91569	88000

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Kon Tum 2018

### e. Trồng rau hoa xứ lạnh

Rau hoa xứ lạnh được trồng ở Măng Đen huyện Kon Plong, hiện có hơn 50 doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ nông dân tham gia trồng rau hoa. Trung tâm ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh đã đi vào hoạt động được 3 năm nay và hiện có nhiều kết quả khả quan.

## 3.2. Nhóm cây công nghiệp dài ngày

### a. Cao su

Với lợi thế đất đỏ bazan, Kon Tum có thể mạnh về trồng cây cao su với diện tích 74.756 ha vào năm 2017. Do giá cao su tăng giai đoạn 2014-2016 khiến diện tích gieo trồng tăng. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay, giá cao su liên tục giảm khiến diện tích cho sản phẩm đỡ bỏ thay vào đó là cây cà phê.

**Bảng 7.** Sản xuất cao su năm 2015-2017

Cây cao su	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Diện tích gieo trồng (ha)	74776	74718	74756
Diện tích cho sản phẩm (ha)	31606	33283	36230
Sản lượng (tấn)	46432	49185	53575

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Kon Tum 2018

### b. Cà phê

Bên cạnh cao su thì cà phê được coi là những sản phẩm chủ lực của tỉnh có giá trị cao. Diện tích gieo trồng năm 2015 là 15.265 ha, đến năm 2017 đạt 17.952 ha bởi giá cả phê tăng liên tục những năm gần đây khiến người dân liên tục mở rộng diện tích gieo trồng. Hiện diện tích cho sản phẩm đạt 14.220 ha (năm 2017) cao hơn năm 2015 1.310 ha, đạt sản lượng 40.108 tấn.

**Bảng 8. Sản xuất cà phê tỉnh Kon Tum**

Cây cà phê	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Diện tích gieo trồng (ha)	15265	16607	17952
Diện tích cho sản phẩm (ha)	12910	13331	14220
Sản lượng tấn	35941	36873	40108

Nguồn: Niêm giám thống kê tỉnh Kon Tum 2018

### c. Nhóm cây dược liệu

Kon Tum hiện có 853 loài cây thuốc và nấm làm thuốc, 30/853 loài cây thuốc có nhu cầu lớn cho thị trường và khoảng 25 loài cây thuốc được trồng, sử dụng nhiều trong cơ sở khám chữa bệnh như cây Sâm Ngọc Linh, Đảng Sâm, Đương quy, Ngũ vị tử và một số loài khác, đặc biệt có một số loài thuốc mang tính đặc trưng riêng của người dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum như Prac, Tà liên chuông, Gừng lúa...

Theo báo cáo UBND tỉnh Kon Tum về thực trạng, tiềm năng và định hướng và chính sách sâm Ngọc Linh Kon Tum và các dược liệu khác (2018) thì quy hoạch phát triển Sâm Ngọc Linh vào năm 2013 với tổng diện tích quy hoạch là 31.742 ha trong đó vùng lõi trồng sâm ngọc Linh có độ cao từ 1.500m trở lên là 16.988 ha. Đến nay, tỉnh Kon Tum đã phát triển được 500ha Sâm Ngọc Linh, nguồn cung cấp giống khoảng 6,5 triệu cây giống/ năm, đảm bảo được nhu cầu mở rộng diện tích Sâm Ngọc Linh.

### 4. Đánh giá năng lực cạnh tranh các nông sản chủ lực tỉnh Kon Tum

Kết quả khảo sát đánh giá tầm quan trọng các nhân tố được dựa trên tiêu chí lựa chọn lợi thế cạnh tranh bền vững, khó bắt chước. Do vậy, đối với tiêu chí chọn doanh nghiệp có chiến lược, định hướng phát triển, hợp tác, công nghệ hỗ trợ cùng phát triển chiếm tỷ lệ cao nhất 27%. Tiếp theo điều kiện cầu, sản phẩm đó có thị trường trong nước và ngoài nước rộng lớn hay không, khả năng tạo sản phẩm mới trong ngành... chiếm 25%. Các ngành hỗ trợ giúp ngành phát triển chiếm 19%, sự hỗ trợ của chính quyền địa phương như chính sách thông thoáng, hỗ trợ cho phát triển doanh nghiệp chiếm 17%. Cuối cùng là điều kiện về nhân tố đầu vào chiếm 12% bởi đây là nhân tố có thể dịch chuyển giữa các địa phương.

Căn cứ vào đó, nhóm tiến hành đánh giá năng lực cạnh tranh của các loại cây nông sản của tỉnh. Kết quả như Bảng 9, 10, 11.

#### a. Đối với nhóm cây công nghiệp ngắn ngày

**Bảng 9. Đánh giá giá trị trung bình của nhóm cây công nghiệp ngắn ngày**

Tiêu chí	Mức độ quan trọng	Giá trị trung bình				
		Lúa	Ngô	Sắn	Mía	Rau
Các điều kiện về nhân tố sản xuất	0,12	1,69	1,66	2,53	2,14	1,98
Lao động	0,05	1,58	1,58	2,28	2,02	1,91
Cơ sở hạ tầng	0,04	1,67	1,64	2,57	2,27	1,94
Nguồn lực	0,03	1,81	1,78	2,75	2,13	2,11
Các điều kiện về cầu	0,25	1,67	1,62	3,01	1,66	2,51
Thị trường	0,05	1,34	1,32	3,25	1,34	2,27
Sản phẩm mới	0,12	1,67	1,63	3,13	1,67	2,70

Môi trường kinh doanh	0,08	1,99	1,91	2,65	1,96	2,55
Chiến lược, cấu trúc và đối thủ cạnh tranh của doanh nghiệp	0,27	1,57	1,55	2,72	1,51	2,97
Cấu trúc	0,09	1,49	1,47	3,01	1,49	2,88
Hợp tác	0,11	1,53	1,50	2,48	1,47	2,84
Định hướng công nghệ	0,07	1,68	1,68	2,68	1,56	3,18
Các ngành công nghiệp hỗ trợ có liên quan	0,19	1,86	1,82	2,52	1,69	2,36
Chuỗi cung ứng	0,1	1,89	1,85	2,08	1,73	2,13
Gia tăng giá trị	0,09	1,83	1,79	2,95	1,64	2,59
Vai trò của chính phủ	0,17	1,87	1,83	2,14	1,87	2,70
Tổng	1					

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

**Bảng 10. Giá trị quy đổi nhóm cây công nghiệp ngắn ngày**

Tiêu chí	Lúa	Ngô	Sắn	Mía	Rau
Nhân tố sản xuất	0,202	0,200	0,304	0,257	0,238
Các điều kiện về cầu	0,417	0,405	0,753	0,414	0,626
Chiến lược, cấu trúc và đối thủ cạnh tranh của doanh nghiệp	0,423	0,419	0,735	0,407	0,801
Các ngành công nghiệp hỗ trợ liên quan	0,353	0,345	0,478	0,320	0,449
Vai trò của chính phủ	0,318	0,311	0,364	0,318	0,459
Tổng	1,713	1,680	2,633	1,716	2,573

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu nhóm nghiên cứu

Kết quả cho thấy, cây sắn và rau hoa xứ lạnh được đánh giá trên 2,5 điểm bởi hiện có nhiều doanh nghiệp chế biến với công nghệ cao, sản phẩm đạt chất lượng tốt, đáp ứng được thị trường xuất khẩu khó tính. Các loại cây như mía, ngô, lúa, chỉ mới đáp ứng được thị trường tiêu thụ trong tỉnh và khu vực, nên năng lực cạnh tranh yếu.

#### b. Đối với cây công nghiệp dài ngày

Đối với cây công nghiệp dài ngày, Kon Tum nổi bật với cao su, cà phê và dược liệu (Sâm Ngọc Linh)- một trong những sản vật mới bắt đầu đưa vào khai thác. Tuy vậy, đây là nhóm cây được chính phủ rất quan tâm, hiện có nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư và trồng loại cây này, dự kiến sẽ mang lại giá trị cao và tính bền vững cho sản phẩm.

**Bảng 11. Giá trị quy đổi nhóm cây công nghiệp dài ngày**

Tiêu chí	Mức độ quan trọng	Giá trị quy đổi		
		Cao su	Cà phê	Dược liệu
Các điều kiện về nhân tố sản xuất	0,12	0,282	0,284	0,247
Lao động	0,05	0,117	0,118	0,087
Cơ sở hạ tầng	0,04	0,095	0,095	0,079
Nguồn lực	0,03	0,071	0,071	0,074
Các điều kiện về cầu	0,25	0,524	0,535	0,699
Thị trường	0,05	0,102	0,104	0,136
Sản phẩm mới	0,12	0,240	0,248	0,350
Môi trường kinh doanh	0,08	0,179	0,182	0,221

Chiến lược, cấu trúc và đối thủ cạnh tranh của doanh nghiệp	0,27	0,536	0,516	0,708
Cấu trúc	0,09	0,154	0,146	0,217
Hợp tác	0,11	0,249	0,260	0,271
Định hướng công nghệ	0,07	0,139	0,123	0,209
Các ngành công nghiệp hỗ trợ có liên quan	0,19	0,331	0,347	0,471
Chuỗi cung ứng	0,1	0,185	0,191	0,218
Giá tăng giá trị	0,09	0,147	0,156	0,251
Vai trò của chính phủ	0,17	0,333	0,374	0,489
<b>Tổng</b>	<b>1</b>	<b>2,006</b>	<b>2,055</b>	<b>2,615</b>

Kết quả đánh giá cho thấy, dược liệu mặc dù nhân tố về sản xuất (yếu tố lao động, hạ tầng) được đánh giá thấp hơn so với cao su và cà phê, nhưng các nhân tố khác như loại cây có điều kiện cầu lớn, các doanh nghiệp liên doanh tham gia nhiều, công nghiệp hỗ trợ và vai trò chính phủ đáp ứng tốt hơn so với cao su và cà phê. Do vậy, dược liệu được đánh giá với mức 2,615 điểm, xếp vào nhóm năng lực cạnh tranh trung bình. Nhóm cây cao su, cà phê có năng lực cạnh tranh yếu.

## 5. Kết luận

Như vậy, có thể thấy, mặc dù Kon Tum có nhiều điều kiện, lợi thế thiên nhiên hỗ trợ nhưng để phát triển các nông

sản chủ lực này trở thành những nông sản có lợi thế, có khả năng cạnh tranh còn khoảng cách khá xa.

Ba loại nông sản: sắn, rau hoa xứ lạnh và dược liệu có khả năng cạnh tranh cao hơn so với những cây nông nghiệp còn lại. Do đó, đây cũng là cơ sở để phát triển 3 loại cây này trở thành những nông sản có lợi thế của địa phương.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng trong đề tài có mã số B2016-DNA-21-TT

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Thành Tự Anh (2011), “Định nghĩa năng lực cạnh tranh và nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh” *Phát triển vùng và địa phương*, Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright.
- [2] Nguyễn Thị Liên Diệp (2013), Chiến lược, chính sách và kinh doanh, Nhà xuất bản Hồng Đức.
- [3] Nguyễn Hồng Gấm (2013), *Xác định sản phẩm chủ lực và phát triển sản phẩm chủ lực đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020*, luận án tiến sĩ trường đại học Kinh tế, thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Niên giám thống kê tỉnh Kon Tum, Cục thống kê tỉnh Kon Tum năm 2018.
- [5] Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục thống kê năm 2017.
- [6] UBND tỉnh Kon Tum, Đề án Xây dựng và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của tỉnh Kon Tum đến năm 2020.

(BBT nhận bài: 15/10/2018, hoàn tất thủ tục phản biện: 13/02/2019)